

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 02-01-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Dân

Ông Phạm Thạch Út

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 329/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim T, sinh ngày 24-4-1983
Nơi cư trú: Tổ A, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Số nhà D, đường Q, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2/ Ông Nguyễn Huỳnh T1, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

Theo Giấy ủy quyền xác lập ngày 24-6-2024 giữa bà Phan Thị Kim T với ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Huỳnh T1, được UBND xã N, huyện C, tỉnh An Giang chứng thực ngày 24-6-2024

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 01-01-1980 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ A, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 24-6-2024, nguyên đơn bà Phan Thị Kim T đã trình bày và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23-12-2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do chỗ quen biết, bà Phan Thị Kim T có làm chủ dây hụi tháng 3.000.000 đồng mở hụi lần đầu vào ngày 25-4-2023, mỗi tháng khui hụi một lần vào ngày 25 hàng tháng, tổng số 20 phần hụi, bà Phạm Thị Mỹ C tham gia chơi 2 phần hụi và bà C đã hốt 2 phần hụi như sau:

Phần hụi thứ nhất: Hốt hụi vào kỳ khui hụi thứ 4 ngày 25-7-2023, số tiền hốt hụi là 39.500.000 đồng, sau khi hốt hụi bà C đóng hụi chết 08 kỳ, còn nợ lại 07 kỳ hụi chết chưa đóng là 21.000.000 đồng.

Phần hụi thứ hai: Hốt hụi vào kỳ khui hụi thứ 7 ngày 25-10-2023, số tiền hốt hụi là 48.500.000 đồng, sau khi hốt hụi bà C đóng hụi chết 05 kỳ, còn nợ lại 07 kỳ hụi chết chưa đóng là 21.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi bà C nợ bà T là 42.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án bà C đã trả cho bà T được 5.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền hụi chết chưa đóng là 37.000.000 đồng

Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc bà Phạm Thị Mỹ Chi T2 lại cho bà T tiền hụi chết còn nợ là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Phạm Thị Mỹ C, nhưng bà C vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 05-11-2024, Tòa án đến nhà để ghi lời khai nhưng bà C vắng mặt tại nhà. Do đó, Tòa án không ghi được ý kiến của bà C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn tiền hụi chết còn nợ. Đình chỉ xét xử đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 5.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông P, ông T1; bị đơn bà C, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông P, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ vào đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 429, Điều 471, Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Từ đó có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng góp hụi, quá trình tham gia chơi hụi bị đơn đã hốt các phần hụi, nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết, dây hụi đã mãn hụi, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền hụi chết chưa đóng của 2 phần hụi là 42.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng góp hụi được xác lập vào ngày 25-4-2023, giữa nguyên đơn với bị đơn. Căn cứ Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì hợp đồng hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng góp hụi trên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Do hợp đồng góp hụi trên có hiệu lực pháp luật và đã mãn hụi, nguyên đơn đã giao đủ tiền hốt hụi cho bị đơn, bị đơn không đóng hụi chết. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại tiền hụi chết bị đơn còn nợ tổng cộng là 37.000.000 đồng.

Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là đóng hụi chết khi đến ngày mở hụi. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Các Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại tiền hụi chết bị đơn còn nợ là 37.000.000 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi chết bị đơn đã đóng sau khi Tòa án thụ lý vụ án là 5.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 37.000.000 đồng, nên bị đơn phải chịu 1.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; khoản 2 Điều 244; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T.

[2] Buộc bà Phạm Thị Mỹ C phải trả cho bà Phan Thị Kim T số tiền hụi chết còn nợ là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ Chi T2 số tiền hụi chết còn nợ là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

[5] Về án phí:

Hoàn trả cho bà Phan Thị Kim T 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004932 ngày 07-10-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bà Phan Thị Kim T phải chịu 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim T, bị đơn bà Phạm Thị Mỹ C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (đề thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lý Đông Hoà